

Số: 2491/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về Kiến trúc, các yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu của
Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025) của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4060/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Khung kiến trúc số Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2432/QĐ-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia do Bộ Tài chính chủ quản;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về Kiến trúc, các yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu của Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Chi (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK(05b).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Dương

QUY ĐỊNH

Về Kiến trúc, các yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu của Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán

(Kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính)

I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích

Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán bao gồm hai cấu phần: Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN); Kho dữ liệu tập trung chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Data Warehouse nhằm đáp ứng các mục tiêu:

- Hình thành kho cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất và tập trung về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Phục vụ quản lý, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác quản lý giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Đáp ứng yêu cầu liên thông, tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị trong và ngoài ngành tài chính.

2. Phạm vi áp dụng

Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán được triển khai tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch chứng khoán (GDCK), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), các thành viên thị trường và các cá nhân có liên quan.

3. Đối tượng sử dụng

a) Người dùng nội bộ

Là các Lãnh đạo, chuyên viên thuộc UBCKNN; Cán bộ Quản trị hệ thống của UBCKNN.

b) Người sử dụng bên ngoài UBCKNN

- Là các tổ chức như: Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; Công ty đại chúng, Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán, Ngân hàng lưu ký giám sát, Văn phòng đại diện/chỉ nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, Văn phòng đại diện/chỉ nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, Tổ chức

kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán,...

- Là các cá nhân như: Người hành nghề chứng khoán, nhà đầu tư, cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ cổ đông sáng lập,...

II. NGUYÊN TẮC

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị; Quyết định số 4060/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Khung kiến trúc số Bộ Tài chính, Kiến trúc Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán tuân thủ nguyên tắc cốt lõi, chuyển dịch từ tư duy “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển”, gồm các nguyên tắc sau:

1. Nguyên tắc 1: Quản trị dựa trên kết quả

Nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân giao dịch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; rút ngắn thời gian xử lý công việc của các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; giảm chi phí tuân thủ của các đối tượng mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phục vụ, giảm thời gian, giảm chi phí; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực công.

2. Nguyên tắc 2: Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu

Dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán được xác định là tài sản chiến lược, giữ vị trí quan trọng trong mọi quy trình nghiệp vụ và là cơ sở nền tảng cho các quyết định về quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Nguyên tắc 3: Vận hành thông minh và tự động hóa trên cơ sở ưu tiên ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI First)

Có khả năng tích hợp nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, hỗ trợ phòng ngừa rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ liên quan đến giám sát giao dịch chứng khoán; tích hợp ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong giao dịch với hệ thống của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Nguyên tắc 4: Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trên nền tảng số

Các quy trình, chức năng được thiết kế để đảm bảo phân rõ vai trò trách nhiệm các tổ chức, cá nhân và các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tham gia trong thực hiện quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Nguyên tắc 5: Lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất

Thống nhất thực hiện dịch vụ công tập trung qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia và tích hợp với nền tảng định danh, xác thực điện tử (VneID); Người sử dụng truy cập tập trung SSO qua cổng duy nhất.

6. Nguyên tắc 6: Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng là yêu cầu tiên quyết, xuyên suốt

An toàn thông tin, an ninh mạng được xác định là yếu tố sống còn, điều kiện tiên quyết trong toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành và nâng cấp các thành phần của Kiến trúc Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán. Thực hiện nghiêm việc đánh giá và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; có phương án sao lưu, dự phòng, bảo đảm an toàn hệ thống, kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố và khôi phục dữ liệu đầy đủ, toàn vẹn, liên tục, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu.

7. Nguyên tắc 7: Thúc đẩy phát triển chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo

Cung cấp chia sẻ dữ liệu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các cơ quan tổ chức có liên quan nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán.

8. Nguyên tắc 8: Các nguyên tắc triển khai cơ bản

a) Nguyên tắc vận hành

- Lấy tổ chức, cá nhân là các đối tượng quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước làm trung tâm; bảo đảm dịch vụ số thuận tiện, minh bạch, thống nhất, đa kênh.

- Thực hiện nguyên tắc “khai báo một lần, dùng nhiều lần”; dữ liệu được chia sẻ, tái sử dụng.

- Bảo đảm tích hợp, liên thông; chia sẻ dữ liệu; dùng chung hạ tầng truyền thông của Bộ Tài chính, hướng tới tích hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản, đơn vị thiết kế, triển khai, quản lý, thẩm định, tham vấn.

- Nâng cao hiệu quả, tránh trùng lặp; xây dựng một lần, sử dụng nhiều lần; ưu tiên dùng chung dữ liệu, hướng tới sử dụng nền tảng điện toán đám mây.

b) Nguyên tắc thiết kế

- Ưu tiên thiết kế giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API First): để sẵn sàng chia sẻ dữ liệu và tích hợp dịch vụ với các hệ thống khác.

- Tích hợp yêu cầu an toàn, bảo mật ngay từ giai đoạn thiết kế (Security by Design): An toàn thông tin được lồng ghép trong toàn bộ vòng đời hệ thống, từ kiến trúc, mã nguồn đến vận hành.

- Thiết kế theo mô-đun, dễ dàng mở rộng, nâng cấp, thay thế (Modular Design): Các mô-đun được thiết kế độc lập để khi cần có thể cập nhật, thay thế nhanh chóng mà không ảnh hưởng toàn hệ thống.

- Hệ thống hướng tới có thể triển khai trên môi trường đám mây để tối ưu hiệu năng và khả năng mở rộng.

- Lấy dữ liệu làm trung tâm, tuân thủ nguyên tắc quản trị dữ liệu thống nhất (Data Centric): Dữ liệu được coi là tài sản, được chuẩn hóa và quản lý xuyên suốt.

- Áp dụng tiêu chuẩn mở (Open Standard): Tiêu chuẩn mở bảo đảm các hệ thống có thể tích hợp và vận hành đồng bộ, tránh phụ thuộc vào nhà cung cấp riêng lẻ.

- Ưu tiên tích hợp trí tuệ nhân tạo vào xử lý, phân tích, ra quyết định (AI First).

- Bảo đảm số hóa toàn bộ quy trình đi kèm với việc tái cấu trúc quy trình với những quy trình đủ điều kiện về pháp lý và kỹ thuật.

- Thiết kế mở, linh hoạt, hỗ trợ công nghệ mới; ưu tiên giải pháp mô-đun, hướng dịch vụ, đám mây để thuận lợi tích hợp, thay thế. Hệ thống cần sẵn sàng tiếp nhận và khai thác công nghệ mới mà không phải thiết kế lại toàn bộ.

- Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chung; bảo đảm tương thích hệ thống hiện có và mới phát triển. Hệ thống mới có khả năng kết nối với hạ tầng, nền tảng và dữ liệu đã có.

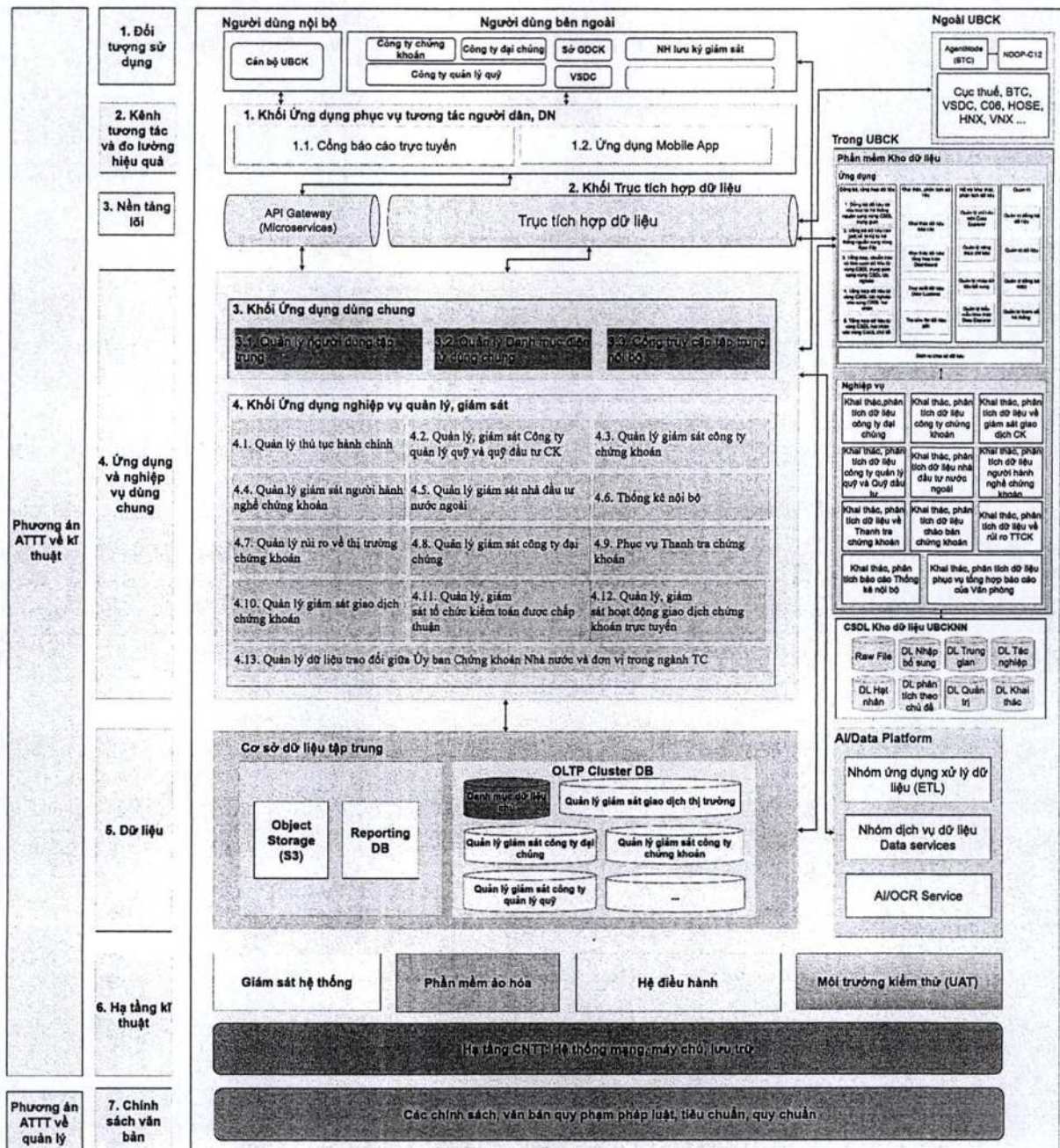
c) Nguyên tắc về nguồn lực và đầu tư

- Được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Bảo đảm phù hợp với khung pháp lý hiện hành; kiến trúc là căn cứ để ban hành quy định, tiêu chuẩn mới khi cần thiết.

III. NỘI DUNG KIẾN TRÚC

1. Sơ đồ tổng quát kiến trúc cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán



2. Các thành phần của kiến trúc cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán

a) Lớp 1: Hạ tầng số và an ninh mạng dùng chung

Đây là lớp nền tảng vật lý và logic, cung cấp các tài nguyên cơ bản và kết nối an toàn cho các thành phần của nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán, bao gồm:

- Hạ tầng kỹ thuật:
- + Máy chủ ứng dụng
- + Thiết bị mạng
- + Thiết bị an toàn thông tin
- + Máy tính trạm và thiết bị ngoại vi

- + Giải pháp bảo mật chữ ký số cho các văn bản dữ liệu
- + Hạ tầng vận hành trung tâm dữ liệu
- + Máy chủ cơ sở dữ liệu
- + Thiết bị cân bằng tải
- + Hệ thống mạng kết nối
- + Hạ tầng khoá công khai
- + Giám sát an toàn thông tin (SOC)
- + Hạ tầng hệ thống dự phòng, môi trường thử nghiệm của UBCKNN
- An toàn thông tin:

Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán được thiết kế để đảm bảo an toàn thông tin theo chính sách đảm bảo an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3 theo TCVN 11930:2017; đảm bảo an ninh mạng theo Tiêu chuẩn TCVN 14423:2025 An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng. Hệ thống được thiết kế và triển khai theo nguyên tắc “An toàn - Toàn vẹn - Sẵn sàng - Kiểm soát được”, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước về an toàn thông tin mạng và bảo mật dữ liệu. Các lớp bảo mật được triển khai theo mô hình phòng thủ nhiều lớp bao gồm:

- + Lớp bảo mật hạ tầng (Network & System Security).
- + Lớp bảo mật ứng dụng (Application Security).
- + Lớp bảo mật dữ liệu (Data Security).

b) Lớp 2: Dữ liệu và nền tảng lõi

Đây là lớp trung tâm, có vai trò quan trọng, nơi dữ liệu được tạo ra, lưu trữ, chia sẻ và xử lý hiệu quả. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán được chuẩn hóa, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, bao gồm:

➤ **Cấu phần Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

- Tầng dịch vụ: là các dịch vụ hỗ trợ kéo dữ liệu từ các phân hệ thuộc Khối ứng dụng, nghiệp vụ và hỗ trợ năng lực truy vấn dữ liệu phục vụ phân hệ thuộc Khối ứng dụng, nghiệp vụ.

STT	Dịch vụ	Mô tả
1.	Quy trình xử lý dữ liệu (ETL/ELT)	Tập trung, chuẩn hoá và đồng bộ dữ liệu từ các nguồn (Sở GD&ĐT, VSDC, thành viên thị trường, nội bộ UBCKNN, ...) vào Cơ sở dữ liệu tập trung, phục vụ báo cáo, giám sát và phân tích.

STT	Dịch vụ	Mô tả
2.	Quy trình Dashboard	Cung cấp bảng điều khiển cho lãnh đạo UBCKNN, cán bộ UBCKNN được phân quyền, gồm các dashboard liên quan đến: giao dịch, rủi ro thị trường, thanh tra, cảnh báo bất thường,...
3.	Khai thác & Phân tích dữ liệu	Cho phép phân hệ tự phục vụ truy vấn, phân tích, đồng thời sẵn sàng phục vụ AI
4.	Danh mục điện tử dùng chung	Chuẩn hóa và tập trung quản lý toàn bộ danh mục, mã định danh, bảng tra cứu dùng chung cho các hệ thống nghiệp vụ của UBCKNN Đảm bảo tính thống nhất, toàn vẹn, đồng bộ và có thể truy xuất giữa các hệ thống thành phần.

- Tầng dữ liệu: Lưu trữ dữ liệu tập trung các phân hệ, phục vụ sử dụng dữ liệu liên thông, bao gồm:

- + Dữ liệu giám sát giao dịch chứng khoán;
- + Dữ liệu công ty đại chúng;
- + Dữ liệu công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán;
- + Dữ liệu công ty chứng khoán;
- + Dữ liệu Người hành nghề chứng khoán;
- + Dữ liệu Nhà đầu tư nước ngoài;
- + Dữ liệu công tác Thanh tra chứng khoán;
- + Dữ liệu thống kê;
- + Dữ liệu Thủ tục hành chính;
- + Dữ liệu quản lý rủi ro thị trường chứng khoán;
- + Dữ liệu quản lý hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến;
- + Dữ liệu tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;
- + Dữ liệu cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ;
- + Dữ liệu trao đổi giữa UBCKNN và đơn vị trong ngành tài chính;
- + Dữ liệu người dùng tập trung;
- + Dữ liệu Danh mục điện tử dùng chung;
- + Dữ liệu ngân hàng lưu ký, giám sát;
- + Dữ liệu khác.

➤ **Kho dữ liệu tập trung chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Data Warehouse.**

CSDL được chia thành các phân vùng dữ liệu phục vụ các yêu cầu xử lý dữ liệu khác nhau, bao gồm:

- Dữ liệu Raw File: Là các file dữ liệu gốc (PDF, sổ lệnh) được đồng bộ từ Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Kho dữ liệu nhằm mục đích tra soát đối soát về sau khi có nhu cầu;

- Dữ liệu nhập bổ sung: Là dữ liệu được nhập bổ sung thêm từ màn hình ứng dụng, hỗ trợ nghiệp vụ trong việc tính toán chỉ tiêu;

- Dữ liệu trung gian: Là dữ liệu được đồng bộ từ các hệ thống nguồn;

- Dữ liệu tác nghiệp: Là các dữ liệu được bổ sung và đồng bộ từ các hệ thống nguồn đã được chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu;

- Dữ liệu hạt nhân: Là các dữ liệu được thiết kế chuẩn để có thể quản lý dữ liệu theo phiên bản, theo từng nhóm dữ liệu chủ đề lớn;

- Dữ liệu phân tích theo chủ đề (Datamart): Là dữ liệu được chia theo từng chủ đề nhằm phục vụ việc khai thác và phân tích dữ liệu;

- Dữ liệu khai thác: là dữ liệu được tính toán sẵn phục vụ cho khai thác báo cáo, data explorer, dashboard; giúp tăng hiệu năng khai thác. Ngoài ra còn có các dữ liệu bộ chỉ tiêu công thức là dữ liệu cấu hình của bộ chỉ tiêu công thức phục vụ khai thác Data Explorer; dữ liệu chia sẻ là dữ liệu được tính toán sẵn để cung cấp cho các hệ thống khác ví dụ như Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Dữ liệu quản trị là dữ liệu người sử dụng và quyền của người sử dụng được đồng bộ từ Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Kho dữ liệu; dữ liệu tham số hệ thống; dữ liệu của các báo cáo đối soát dữ liệu từ Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Kho dữ liệu đảm bảo chất lượng dữ liệu.

➤ **Danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở trong phạm vi CSDL chuyên ngành quản lý chứng khoán**

(1) Dữ liệu chủ (master data)

- Căn cứ Quyết định 1323/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu và hệ thống từ điển dữ liệu của Bộ Tài chính phiên bản 1.0, theo đó dữ liệu chủ lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- + Nhà đầu tư cá nhân: Họ tên, Số định danh cá nhân, tài khoản giao dịch chứng khoán;

+ Nhà đầu tư tổ chức: Tên đầy đủ, mã số thuế, tài khoản giao dịch chứng khoán...;

+ Tổ chức Phát hành/Niêm yết: Tên đầy đủ, mã số thuế, Mã chứng khoán (mã niêm yết); Tình trạng niêm yết: Sở giao dịch niêm yết (HOSE, HNX, UPCoM), Ngày niêm yết;

+ Sở giao dịch niêm yết (HOSE, HNX...): Tên Sở giao dịch, MST, Thông tin pháp lý (Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký DN); Cơ quan chủ quản; Các loại thị trường/sản phẩm; Tình trạng hoạt động;

+ Tổ chức Trung gian/Dịch vụ Chứng khoán: Tên đầy đủ, mã số thuế, số giấy phép hoạt động, phạm vi hoạt động (môi giới, tự doanh, quản lý quỹ...), tình trạng hoạt động;

+ Chứng khoán: Tên chứng khoán, mã chứng khoán (mã niêm yết), loại hình chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ), tổ chức phát hành;

+ Người hành nghề chứng khoán: Họ tên, Số định danh cá nhân, mã số và tình trạng của chứng chỉ hành nghề.

- Chi tiết đặc tả dữ liệu chủ tại Phụ lục II.

(2) Dữ liệu dùng chung: UBCKNN cung cấp 02 danh mục: Danh mục các công ty chứng khoán, Danh mục các công ty quản lý quỹ.

- Chi tiết đặc tả dữ liệu danh mục dùng chung tại Phụ lục III.

(3) Dữ liệu mở:

Căn cứ Điều 10, Nghị định 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu; Căn cứ Quyết định 2826/QĐ-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ Tài chính, dữ liệu mở lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Dữ liệu về các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư (Tên công ty, địa chỉ, số điện thoại, website) cung cấp trên Cổng thông tin điện tử UBCKNN.

- Dữ liệu thống kê về giao dịch chứng khoán của thị trường chứng khoán (Ngày giao dịch, Sàn giao dịch, Giá trị Index, Tổng khối lượng giao dịch, Tổng giá trị giao dịch), cung cấp trên Cổng thông tin UBCKNN.

- Chi tiết đặc tả dữ liệu mở tại Phụ lục IV.

c) Lớp 3: Ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

➤ **Cấu phần Hệ thống tổng thể công nghệ thông tin phục vụ quản lý giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Bao gồm 04 nhóm chức năng nghiệp vụ chính:

- **Khối nghiệp vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:** Là kênh giao tiếp với các đối tượng sử dụng: người dân, doanh nghiệp

+ Cổng báo cáo trực tuyến: Phân hệ là một kênh truy cập hỗ trợ quy trình cập nhật và quản lý hồ sơ, nộp các loại báo cáo và công bố thông tin theo quy định pháp luật các đối tượng: công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, ngân hàng lưu ký, giám sát, Chi nhánh/Văn phòng đại diện công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, Chi nhánh/ Văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, đại diện của nhà đầu tư nước ngoài, người hành nghề chứng khoán, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán,....

+ Ứng dụng Mobile app: Nền tảng hỗ trợ công tác quản lý, giám sát của UBCKNN thông qua việc tương tác, xử lý thông tin. Cung cấp kênh trao đổi, thông báo trực tiếp giữa UBCKNN với các đối tượng quản lý các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ: Người đại diện pháp luật, người công bố thông tin. Hỗ trợ đối tượng là người hành nghề chứng khoán nhận các thông báo về các khoá học, tra cứu chứng chỉ điện tử

- **Khối ứng dụng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu:** Kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống nội bộ UBCKNN và các hệ thống công nghệ thông tin bên ngoài và Quản lý dữ liệu trao đổi giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đơn vị trong ngành tài chính; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, dữ liệu chủ lĩnh vực chứng khoán.

+ Phân hệ quản lý dữ liệu trao đổi giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đơn vị trong ngành tài chính;

+ Trục tích hợp dữ liệu.

- **Khối nghiệp vụ dùng chung:** Các dịch vụ dùng chung nội bộ UBCKNN: đăng nhập tập trung, quản lý danh mục điện tử dùng chung

+ Quản lý người dùng tập trung: Quản lý tài khoản truy cập của toàn bộ đối tượng sử dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của UBCKNN (bao gồm cả người dùng nội bộ và người dùng bên ngoài); quản lý xác thực, phân quyền theo vai trò; lưu log hoạt động; tích hợp single sign-on cho toàn bộ các hệ thống công nghệ thông tin của UBCKNN, việc tích hợp sẽ sử dụng bộ APIs.

+ Cổng truy cập tập trung nội bộ: Cổng truy cập tập trung nội bộ là kênh truy cập dành cho người dùng nội bộ UBCKNN, Sở GDCK, VSDC sử dụng đường truyền nội bộ; tích hợp các phân hệ ứng dụng, cung cấp single sign-on cho người dùng nội bộ UBCKNN, Sở GDCK, VSDC.

+ Quản lý danh mục điện tử dùng chung: Quản lý hệ thống danh mục điện tử dùng chung của UBCKNN, đảm bảo dữ liệu đồng bộ, thống nhất; quản lý và cập nhật để các phân hệ khác và các hệ thống công nghệ thông tin của UBCKNN dùng chung. Việc tích hợp thông qua bộ APIs; Phân hệ bao gồm hệ thống Cơ sở dữ liệu tập trung và nền tảng dịch vụ AI/Data platform.

- **Khối nghiệp vụ quản lý, giám sát:** Thực hiện các nghiệp vụ quản lý, giám sát của UBCKNN

+ Phân hệ Giám sát giao dịch chứng khoán: Phân hệ hỗ trợ UBCKNN thu thập, quản lý, khai thác, phân tích các thông tin, dữ liệu từ Sở GDCK và VSDC phục vụ các yêu cầu về giám sát giao dịch, giám sát tuân thủ của UBCKNN một cách hiệu quả; Phân hệ phân tích theo các quy trình xử lý vụ việc từ cơ bản đến chuyên sâu (bao gồm thao túng thị trường, giao dịch nội gián, giao dịch liên thị trường). Từ đó, hỗ trợ cán bộ nghiệp vụ trong việc phát hiện các tài khoản/nhà đầu tư, nhóm tài khoản/nhóm nhà đầu tư có hành vi nghi vấn, phục vụ công tác giám sát và điều tra.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát Công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát các đối tượng: công ty quản lý quỹ, Chi nhánh/ Văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, các quỹ đầu tư, đại lý phân phối, Ngân hàng lưu ký, giám sát.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát công ty chứng khoán: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát các đối tượng: Công ty chứng khoán, Chi nhánh/Phòng giao dịch/ Văn phòng đại diện Công ty chứng khoán, Chi nhánh/ Văn phòng đại diện Công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, các Ngân hàng thanh toán, lưu ký.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán: Quản lý, giám sát hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề cho người hành nghề chứng khoán; Quản lý, giám sát báo cáo của các tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán và của chính người hành nghề chứng khoán.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát nhà đầu tư nước ngoài: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

+ Phân hệ Thống kê nội bộ: Quản lý dữ liệu thống kê của UBCKNN; Tổng hợp, tạo lập báo cáo thống kê.

+ Phân hệ Quản lý rủi ro về thị trường chứng khoán: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý rủi ro thị trường chứng khoán, bao gồm: Thu thập, tính toán các chỉ tiêu kinh tế, tài chính trong và ngoài nước; Quản lý báo cáo, nhận diện và cảnh báo rủi ro thị trường cổ phiếu; thị trường trái phiếu Chính phủ; thị

trường trái phiếu doanh nghiệp; rủi ro huy động cung ứng vốn; rủi ro trong hệ thống hoạt động của công ty chứng khoán; rủi ro liên quan dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát công ty đại chúng: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát công ty đại chúng; Quản lý, giám sát cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, cổ đông sáng lập.

+ Phân hệ phục vụ Thanh tra chứng khoán: Truy vấn thông tin các đối tượng thanh tra - kiểm tra, đối tượng vi phạm hành chính, quản lý và lưu trữ kết quả của các Hoạt động thanh tra - kiểm tra, Hoạt động tiếp công dân, giải quyết đơn thư, Hoạt động xử lý vi phạm hành chính, Hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Hoạt động áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn thị trường chứng khoán trong phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Cho phép đưa hoạt động xử lý vi phạm hành chính lên môi trường điện tử, cho phép các đối tượng vi phạm tương tác trực tiếp với các thông tin về biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nộp phạt trực tuyến; Các đơn vị giám sát (Ban nghiệp vụ của UBCKNN) cập nhật hồ sơ các cuộc kiểm tra, hoạt động kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính và gửi tới người dùng liên quan để cập nhật thông tin.

+ Phân hệ quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: quản lý hồ sơ chấp thuận kiểm toán của tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên; quản lý, giám sát hoạt động, báo cáo của tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

+ Phân hệ Quản lý, giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến: Phân hệ phục vụ nghiệp vụ quản lý, giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến của các đối tượng bao gồm: công ty chứng khoán được chấp thuận cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; các Sở GDCK, VSDC vận hành hệ thống giao dịch/cung cấp dịch vụ trực tuyến cho thành viên,...

+ Quản lý thủ tục hành chính: Hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đăng ký và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

➤ **Cấu phần Kho dữ liệu tập trung chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Data Warehouse**

- **Các khối nghiệp vụ chính** của Kho dữ liệu tập trung chuyên ngành của UBCKNN bao gồm:

- + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu giám sát công ty đại chúng;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu giám sát công ty chứng khoán;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu giám sát giao dịch chứng khoán;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu thanh tra chứng khoán;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu chào bán chứng khoán;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu giám sát công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư, văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng lưu ký, giám sát;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu nhà đầu tư nước ngoài;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu người hành nghề chứng khoán;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích báo cáo thống kê nội bộ;
 - + Nghiệp vụ khai thác, phân tích dữ liệu về rủi ro thị trường chứng khoán;
 - + Khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ tổng hợp báo cáo của Văn phòng.
- **Ứng dụng Kho dữ liệu của UBCKNN** chia làm 5 nhóm chức năng chính, mỗi nhóm đảm nhiệm một vai trò riêng biệt trong vòng đời dữ liệu từ thu thập đến khai thác:
- + Đồng bộ, tổng hợp dữ liệu: Đây là nhóm chức năng cốt lõi, đảm nhận toàn bộ luồng xử lý và luân chuyển dữ liệu qua các vùng lưu trữ.
 - + Hỗ trợ khai thác, phân tích dữ liệu: Nhóm này đóng vai trò quản lý metadata và cấu hình hệ thống, cho phép người dùng nghiệp vụ tự thiết lập các tham số khai thác mà không cần sự can thiệp của bộ phận kỹ thuật.
 - + Khai thác, phân tích dữ liệu: Đây là tầng phục vụ trực tiếp người dùng cuối, cung cấp các công cụ truy vấn và trình bày dữ liệu.
 - + Quản trị: Nhóm quản trị đảm bảo hệ thống vận hành ổn định và dữ liệu được quản lý đúng quy định.
 - + Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: Cung cấp các dịch vụ chia sẻ dữ liệu để chia sẻ dữ liệu từ Kho dữ liệu sang hệ thống tổng thể của UBCKNN.

d) Lớp 4: Kênh tương tác và giám sát

Đây là lớp giao diện, nơi người dùng (cán bộ, công chức của UBCKNN, các Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán

Việt Nam, các tổ chức, cá nhân...) tương tác với nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán, bao gồm:

- Người sử dụng của hệ thống sẽ thông qua trình duyệt web (trên máy tính/ thiết bị di động) truy cập vào các chức năng của hệ thống.

Ngoài ra, đối với một số chức năng, người sử dụng có thể truy cập thông qua ứng dụng mobile app.

- Xây dựng chức năng thu thập, quản lý, giám sát, đánh giá và cảnh báo rủi ro phục vụ quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo việc quản lý, giám sát tuân thủ pháp luật, phòng ngừa rủi ro và tăng cường minh bạch trong hoạt động nghiệp vụ.

- Trục tích hợp dữ liệu

- + Là trung gian kết nối và truyền dữ liệu giữa các hệ thống bên trong và bên ngoài với hệ thống của UBCKNN.

- + Đảm bảo việc điều hướng, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa hệ thống của UBCKNN với các hệ thống bên ngoài thì sẽ thông qua trục tích hợp dữ liệu, bao gồm 2 luồng chính:

- Luồng từ Sở GDCK, VSDC: Đây là luồng dữ liệu giao dịch khối lượng dữ liệu lớn.
- Sẵn sàng kết nối, trao đổi dữ liệu với các đơn vị trong và ngoài ngành Tài chính (Cục Thuế, Bộ Tài chính, đơn vị khác,...): Đây là luồng giao tiếp yêu cầu - phản hồi (request-response).

3. Các yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu của nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán

- Trục tích hợp dữ liệu đóng vai trò kết nối với nền tảng NDOP thông qua hạ tầng truyền thông và an toàn bảo mật, Agentnode của Bộ Tài chính.

- Trục tích hợp đóng vai trò trung chuyển dữ liệu giữa cầu phân Hệ thống tổng thể CNTT phục vụ quản lý, giám sát của UBCKNN, Kho dữ liệu tập trung chuyên ngành của UBCKNN.

- CDSL chuyên ngành quản lý chứng khoán áp dụng công nghệ phát triển ứng dụng, dịch vụ hướng đối tượng theo kiến trúc microservice để tạo lập các dịch vụ độc lập, kết nối với nhau thông qua giao thức RESTful, SOAP, UDP, MQ, SFTP.

- Mô tả API kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu qua trục tích hợp dữ liệu của nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán tại Phụ lục I.

4. Tiêu chuẩn dữ liệu

- Dữ liệu được lưu trữ theo định dạng Unicode, sử dụng tiếng Việt có dấu

theo chuẩn TCVN 6909:2001 (ISO 10646).

- Nguyên tắc cơ sở dữ liệu xử lý giao dịch trực tuyến OLTP (Online Transaction Processing): đảm bảo tính nguyên tử, tính nhất quán, tính cô lập và tính bền vững.

- Kiến trúc tổ chức dữ liệu: Dữ liệu tại Object Storage được tổ chức theo kiến trúc Medallion (gồm 3 lớp Bronze – Silver – Gold) và lưu trữ dưới định dạng Parquet (định dạng tối ưu lưu trữ theo cột).

- Dữ liệu tại Reporting Database được tổ chức theo mô hình sao nhằm phục vụ các truy vấn phân tích, tổng hợp.

5. Yêu cầu thỏa thuận mức dịch vụ (Service Level Agreement – SLA)

a) Hệ thống đáp ứng đối với tối thiểu 95% tổng số lượng giao dịch như sau:

- Giao dịch tra cứu, truy vấn thông thường: Xử lý và trả kết quả trong thời gian 3 giây.

- Giao dịch có thao tác cập nhật (Insert/Update/Delete): Xử lý trong thời gian 5 giây, bao gồm cả thời gian ghi log và đồng bộ CSDL.

- Giao dịch truy vấn báo cáo, tổng hợp dữ liệu đa chiều: Xử lý trong thời gian 60 giây.

- Giao dịch kết xuất/nhập tệp tin (File/Batch Processing) khối lượng lớn: Xử lý hoàn tất trong thời gian 120 giây.

b) Hệ thống đảm bảo có dự phòng và có khả năng khôi phục khi gặp sự cố.

6. Cơ chế hỗ trợ

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của người sử dụng nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán. Bao gồm các kênh như: điện thoại, email, hỗ trợ trực tiếp, ứng dụng trợ lý ảo.

7. Chỉ số người dùng

Nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán hỗ trợ thống kê tổng số người dùng truy cập trong trong khoảng thời gian nhất định, ghi lại giao dịch tương tác của người dùng với hệ thống đảm bảo có khả năng truy vết thống kê và tổng hợp.

IV. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Thời gian xây dựng

Nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán xây dựng trong năm 2025-2026.

2. Thời gian chính thức vận hành

Dự kiến nền tảng/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khóa chính thức vận hành vào cuối năm 2026, đầu năm 2027./.

Phụ lục I

MÔ TẢ API KẾT NỐI, TÍCH HỢP VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491 /QĐ-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính)

UBCKNN cung cấp các API kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu qua trục tích hợp dữ liệu của nền tảng/cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý chứng khoán như sau:

STT	Tên API	Method	Nguồn	Path đầy đủ (sau Base URL)
1.	Gửi cấu hình báo cáo thống kê thị trường chứng khoán	POST	Phân hệ thống kê nội bộ	/report-btc/api/v1/report/template/configs
2.	Gửi dữ liệu báo cáo thống kê thị trường chứng khoán	POST	Phân hệ thống kê nội bộ	/report-btc/api/v1/report/send
3.	Gửi Thông tin công ty chứng khoán	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/cong-ty-chung-khoan
4.	Gửi Thông tin công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/cong-ty-quan-ly-quy-va-quy
5.	Gửi thông tin Hồ sơ công ty đại chúng	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/cong-ty-dai-chung
6.	Gửi Danh sách nhà đầu tư cá nhân	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-nha-dau-tu-ca-nhan
7.	Gửi Danh sách nhà đầu tư tổ chức	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-nha-dau-tu-to-chuc

STT	Tên API	Method	Nguồn	Path đầy đủ (sau Base URL)
8.	Gửi Danh sách người hành nghề chứng khoán	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-nguoi-hanh-nghe-chung-khoan
9.	Gửi Danh sách tổ chức phát hành/niêm yết	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-to-chuc-niem-yet
10.	Gửi Danh sách Sở giao dịch niêm yết	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-so-giao-dich-niem-yet
11.	Gửi Danh sách tổ chức trung gian/dịch vụ chứng khoán	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-to-chuc-trung-gian-dich-vu-chung-khoan
12.	Gửi Danh sách chứng khoán	POST	Phân hệ danh mục điện tử dùng chung	/ubck-report/api/v1/push/danh-sach-chung-khoan

Phụ lục II

ĐẶC TẢ DỮ LIỆU CHỦ LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2494/QĐ-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Dữ liệu chủ về nhà đầu tư chứng khoán cá nhân

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	INVESTOR_ID_NUMBER	Mã số định danh cá nhân	Varchar	x	20	Nhà đầu tư nước ngoài có độ dài 6 ký tự. Không cho phép quá độ dài quy định	
2	INVESTOR_FULL_NAME	Họ và tên	Varchar	x	4000	Chỉ nhận kiểu dữ liệu dạng chuỗi	
3	TRANSACTION_ACCOUNT_NUMBER	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Varchar	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	INVESTOR_NATIONALITY_TYPE	Nhà đầu tư nước ngoài	Varchar	x	4000	Có/Không	

2. Dữ liệu chủ về nhà đầu tư chứng khoán tổ chức

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	INVESTOR_ID_NUMBER	Mã số thuế	Varchar	x	30	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	INVESTOR_FULL_NAME	Tên tổ chức	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	TRANSACTION_ACCOUNT	Tài khoản giao	Varchar	x	50	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
	OUNT_NUMBER	dịch chứng khoán					
4	INVESTOR_NATIONALITY_TYPE	Nhà đầu tư nước ngoài	Varchar	x	4000	Có/Không	

3. Dữ liệu chủ về tổ chức phát hành/niêm yết chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	ISSUER_NAME_VI	Tên đầy đủ	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	ISSUER_ID_NUMBER	Mã số thuế	Varchar	x	30	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	SECURITY_TICKER_CODE	Mã chứng khoán	Varchar	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	EXCHANGE_CODE	Sở Giao dịch niêm yết	Varchar	x	50	Tình trạng niêm yết: Sở giao dịch niêm yết (HOSE, HNX, Upcom)	
5	LISTING_DATE	Ngày niêm yết	Date	x	10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	

4. Dữ liệu chủ về Sở giao dịch niêm yết

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	ENTERPRISE_ID	Mã số thuế	Varchar	x	30	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	ORGANIZATION_NAME	Tên sở giao dịch	Varchar	x	255	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	LICENSE	Quyết định	Varchar	x	100	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
		thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp					
4	GOVERNING_AUTHORITY	Cơ quan chủ quản	Varchar	x	255	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	SECURITY_TYPE, SECURITY_SUBTYPE	Các loại thị trường/sản phẩm	Varchar	x	36	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	STATUS	Tình trạng hoạt động	Varchar	x	30	Chỉ nhận giá trị Hoạt động hoặc Ngưng hoạt động	

5. Dữ liệu chủ về tổ chức trung gian/dịch vụ chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	TRADING_PARTICIPANT_ID	Mã số thuế	Varchar	x	30	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	ORGANIZATION_NAME	Tên đầy đủ	Varchar	x	255	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	BUSINESS_LICENSE_NUMBER	Số giấy phép hoạt động	Varchar	x	50	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	BUSINESS_LINE_NAME	Phạm vi hoạt động	Varchar	x	3000	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	TRADING_PARTICIPANT	Tình trạng hoạt	Varchar	x	50	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
	NT_STATUS	động					

6. Dữ liệu chủ về chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	SECURITY_SYMBOL_CODE	Mã chứng khoán	Varchar	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	SECURITY_TICKER_CODE	Tên chứng khoán	Varchar	x	255	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	SECURITY_TYPE	Loại chứng khoán	Varchar	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	ISSUER_NAME_VI	Tổ chức phát hành	Varchar	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	

7. Dữ liệu chủ về người hành nghề chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	PRACTITIONER_IDENTITY_NUMBER	Mã số định danh cá nhân	Varchar	x	20		
2	PRACTITIONER_NAME	Họ và tên	Varchar	x	50	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	CERTIFICATE_NUMBER	Số chứng chỉ hành nghề	Varchar	x	100		
4	CERTIFICATE_ISSUE_DATE	Ngày cấp chứng chỉ	Date	x	16	DD/MM/YYYY	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
5	CERTIFICATE_CODE	Loại chứng chỉ	String	x	100		
6	CERTIFICATE_STATUS_NAME	Tình trạng chứng chỉ	String	x	30	Nhận các giá trị: Chưa sử dụng, Đang sử dụng, Thu hồi, Hết hiệu lực, Đã hủy, Không xác định	

Phụ lục III

ĐẶC TẢ DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491 /QĐ-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Công ty chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	ID	ID	Number	x	9	Chỉ nhận kiểu dữ liệu dạng số; Không cho phép quá độ dài quy định	
2	TEN_CONG_TY	Tên công ty	String	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	TEN_TIENG_ANH	Tên tiếng Anh	String	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	TEN_VIET_TAT	Tên viết tắt	String	x	2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	SO_GPKD	Số GPKD	String	x	20	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	NGAY_CAP_GPKD	Ngày cấp GPKD	Date	x	10	Không cho phép quá độ dài quy định	
7	NOI_CAP_GPKD	Đơn vị cấp GPKD	String	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
8	DIA_CHI	Địa chỉ CTCK	String	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
9	DM_PHUONG_XA_ID	Phường xã	Number		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
10	DM_QUAN_HUYEN_ID	Quận huyện	Number		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
11	DM_TINH_THANH_ID	Tỉnh/thành phố	Number		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
12	DIEN_THOAI	Số điện thoại	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
13	FAX	Số fax	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
14	EMAIL	Địa chỉ email	String		400	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
15	WEBSITE	Địa chỉ website	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
16	VON_DIEU_LE	Vốn điều lệ	Float	x	22	Không cho phép quá độ dài quy định	
17	NGUOI_DAI_DIEN_PL	Người đại diện pháp luật	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
18	TONG_GIAM_DOC	Tổng giám đốc	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
19	CAN_BO_CBTT	Người công bố thông tin	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	
20	EMAIL_CBTT	Email người công bố	String		400	Không cho phép quá độ dài quy định	
21	NIEM_YET	Niêm yết	Number		1	Chỉ nhận các giá trị: 0, 1 0: Không niêm yết 1: Có niêm yết	
22	NGAY_NIEM_YET	Ngày niêm yết	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
23	THI_TRUONG	Thị trường niêm yết	String		4000	Các thị trường cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)	
24	MA_CHUNG_KHOAN	Mã chứng khoán	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
25	DAI_CHUNG	Công ty đại chúng	Number		1	Chỉ nhận các giá trị: 0,1 0: Không, 1: Có	
26	NGAY_DK_DAI_CHUNG	Ngày bắt đầu là CTĐC	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
27	NGAY_CHAM_DUT_DAI_CHUNG	Ngày chấm dứt là CTĐC	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
28	TRANG_THAI	Tình trạng	Number		1	Chỉ nhận các giá trị: 0,1 0: Hết hiệu lực, 1: Hiệu lực	
29	LOAI_HINH_DN	Loại hình doanh nghiệp	String		4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
30	NGHIEP_VU_KD	Nghiệp vụ kinh doanh CK	String	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
31	NGAY_CAP_NHAT	Ngày sửa đổi	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
32	NGAY_TAO	Ngày tạo lập	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
33	NGUOI_TAO	Người tạo lập	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	UBCKNN
34	NGAY_HL	Ngày hiệu lực	Date	x	10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
35	NGAY_KT	Ngày kết thúc	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	

2. Công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	DIA_CHI_CTY	Địa chỉ	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	SĐT	Điện thoại	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	EMAIL	Email	String		400	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	SO_FAX	Fax	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	ID	ID	String		50	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	LOAI_HINH_DN	Loại hình doanh nghiệp	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
7	MA	Mã công ty	Nvarchar	x	100	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
		QLQ	2				
8	MA_HUYEN	Quận huyện	Number		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
9	MA_TINH	Tỉnh/Thành phố	String		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
10	MA_XA	Phường xã	Number		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
11	MENH_GIA_1CP	Mệnh giá	Number		22	Không cho phép quá độ dài quy định	
12	NGAY_VB	Ngày ban hành	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
13	NGAY_CAP_GPKD	Ngày cấp GPKD	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
14	START_DATE_ACTIVE	Ngày hiệu lực	Date	x	10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
15	END_DATE_ACTIVE	Ngày kết thúc	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
16	LAST_UPDATE_DATE	Ngày sửa đổi	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
17	CREATION_DATE	Ngày tạo lập	Date		10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
18	NGHIEP_VU	Nghiep vụ	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
19	NGUOI_DAI_DIEN	Người đại diện pháp luật	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	
20	CREATED_BY	Người tạo lập	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	UBCKNN
21	NOI_CAP_GPKD	Nơi cấp GPKD	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	
22	SO_GPKD	Số GPKD	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
23	SO_GPKD_DC	Số GPKD điều chỉnh	String		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
24	TEN	Tên	String	x	254	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
25	TEN_TA	Tên tiếng anh	String	x	2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
26	TEN_VIET_TAT	Tên viết tắt	String		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	
27	TGD	Tổng giám đốc	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	
28	TONG_SO_CP	Tổng số cổ phần	Number		22	Không cho phép quá độ dài quy định	
29	TINHTRANG	Trạng thái	String		9	Chỉ nhận các giá trị: 1,0 0: Hết hiệu lực 1: Hiệu lực	
30	VAN_BAN_BH	Văn bản ban hành	String		254	Không cho phép quá độ dài quy định	
31	VON_DIEULE	Vốn điều lệ	Number		22	Không cho phép quá độ dài quy định	
32	WEBSITE	Website	String		1000	Không cho phép quá độ dài quy định	

Phụ lục IV
ĐẶC TẢ DỮ LIỆU MỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491 /QĐ-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Dữ liệu mở về các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán

1.1 Dữ liệu mở về công ty đại chúng

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	ISSUER_NAME_VI	Tên công ty	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	ISSUER_ADDRESS	Địa chỉ	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	DM_PHUONG_XA	Phường xã	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	DM_QUAN_HUYEN	Quận huyện	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	DM_TINH_THANH	Tỉnh/thành phố	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	ISSUER_PHONE_NUMBER	Số điện thoại	Varchar		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
7	ISSUER_WEBSITE	Địa chỉ website	Varchar		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	

1.2 Dữ liệu mở về công ty chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	TRADING_PARTICIPANT_NAME	Tên công ty	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	TRADING_PARTICIPANT_ADDRESS	Địa chỉ CTCK	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	DM_PHUONG_XA	Phường xã	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	DM_QUAN_HUYEN	Quận huyện	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
5	DM_TINH_THANH	Tỉnh/thành phố	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	TRADING_PARTICIPANT_PHONE	Số điện thoại	Varchar		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
7	TRADING_PARTICIPANT_WEBSITE	Địa chỉ website	Varchar		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	

1.3 Dữ liệu mở về công ty quản lý quỹ

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	FUND_COMPANY_NAME_VI	Tên công ty	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
2	FUND_COMPANY_ADDRESS	Địa chỉ CTCK	Varchar	x	4000	Không cho phép quá độ dài quy định	
3	DM_PHUONG_XA	Phường xã	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
4	DM QUAN_HUYEN	Quận huyện	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
5	DM_TINH_THANH	Tỉnh/thành phố	Varchar		10	Không cho phép quá độ dài quy định	
6	FUND_COMPANY_PHONE	Số điện thoại	Varchar		200	Không cho phép quá độ dài quy định	
7	WEBSITE	Địa chỉ website	Varchar		2000	Không cho phép quá độ dài quy định	

2. Dữ liệu thông kê về giao dịch chứng khoán của thị trường chứng khoán

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
1	TRADE_EVENT_DATE	Ngày giao dịch	Date	x	10	Đúng định dạng dd/mm/yyyy	
2	EXCHANGE_CODE	Sàn giao dịch	Varchar	x	10	Không cho phép quá độ dài quy định	

TT	Tên trường	Tên hiển thị	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Độ dài	Tính đúng đắn của dữ liệu	Giá trị mặc định
3	INDEX_VALUE	Giá trị Index	Float	x	64	Chỉ nhận dữ liệu dạng số thực	
4	TRADE_QUANTITY	Tổng khối lượng giao dịch	Float	x	64	Chỉ nhận dữ liệu dạng số thực	
5	TRADE_VALUE	Tổng giá trị giao dịch	Float	x	64	Chỉ nhận dữ liệu dạng số thực	